TCSC

BÁO CÁO VĨ MÔ

Tháng 10 2026

Xuất nhập khẩu lần đầu vượt 1,000 tỷ USD
Lạm phát neo cao, đà tăng chậm lại
FDI đăng ký cao nhất kể từ 2009



Bức tranh vĩ mô

Tổng quan tháng 10/2026

TỔNG QUAN VĨ MÔ THÁNG 10/2026

Kinh tế tăng tốc nhờ xuất khẩu và công nghiệp; lạm phát trên 5% là rủi ro chính

ĐỘNG LƯỢNG CÁC CHỈ TIÊU THÁNG 10 ▲▼ so với tháng trước · xanh: tích cực, đỏ: tiêu cực

Sản xuất & tiêu dùng — Tăng tốc

GDP thực Quý 3/2026, % YoY
9.95% ▲ +1.1 đ% (Q2: 8.81%)
Q4/25 — Q3/26

Sản xuất công nghiệp, % YoY
15.0% ▲ +0.8 đ% (T9: 14.2%)
T10/25 — T10/26

PMI ngành sản xuất, điểm
52.3 điểm ▲ +0.4 điểm (T9: 51.9)
T10/25 — T10/26

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ, % YoY
14.7% ▲ +0.6 đ% (T9: 14.1%)
T10/25 — T10/26

Xuất nhập khẩu & đầu tư — Phân hóa

Kim ngạch xuất khẩu, % YoY
51.4% ▲ +11.5 đ% (T9: 39.9%)
T10/25 — T10/26

Kim ngạch nhập khẩu, % YoY
43.1% ▼ −3.1 đ% (T9: 46.2%)
T10/25 — T10/26

Tăng trưởng FDI thực hiện, % YoY
20.4% ▲ +8.0 đ% (T9: 12.4%)
T10/25 — T10/26

Tăng trưởng vốn đầu tư NSNN, % YoY
23.7% ▼ −6.4 đ% (T9: 30.1%)
T10/25 — T10/26

Giá cả, tiền tệ — Cần theo dõi

Lạm phát CPI, % YoY
5.09% — đi ngang (T9: 5.1%)
T10/25 — T10/26

Tỷ giá USD/VND (VCB), % YTD
−1.5% ▼ −0.7 đ% (T9: −0.8%)
T10/25 — T10/26

LS huy động 12T Big4, %
5.4% ▼ −0.5 đ% (T9: 5.9%)
T10/25 — T10/26

Tăng trưởng tổng khách quốc tế, % YoY
7.0% ▼ −9.1 đ% (T9: 16.1%)
T10/25 — T10/26

Nhận định chung

Điểm sáng

- **Xuất khẩu tăng 51.4% YoY,** xuất siêu 7.31 tỷ USD (T9: 1.30 tỷ USD); kim ngạch XNK 10T đạt 1,010.55 tỷ USD (+32.3% YoY), lần đầu vượt mốc 1,000 tỷ USD.
- **IIP 10T tăng 12.4%,** cao nhất cùng kỳ giai đoạn 2019–2026; PMI tăng lên 52.3 điểm (T9: 51.9 điểm); bán lẻ 10T tăng 13.5%.
- **FDI đăng ký 10T đạt 54.85 tỷ USD (+74.0% YoY),** giải ngân 24.08 tỷ USD (+13.1%); cùng xuất siêu, giúp tỷ giá giảm 1.47% YTD.

Cần theo dõi

- **CPI 5.09% YoY,** trên mốc 5% tháng thứ hai liên tiếp; bình quân 10T 4.57%. Thuế TTĐB với xăng về 0% từ 01/11/2026 sẽ hỗ trợ CPI cuối năm.
- **Tháng 10 khách quốc tế chỉ tăng 7.0% YoY,** giảm từ 16.1% trong tháng 9.
- **Vốn đầu tư NSNN tăng 23.7% YoY,** thấp nhất kể từ tháng 5 (T9: 30.1%).

Tổng mức bán lẻ

Dịch vụ dẫn dắt, sức mua thực cải thiện nhẹ

Tháng 10/2026

+14.7%

So với cùng kỳ

Luỹ kế 10T 2026

+13.5%

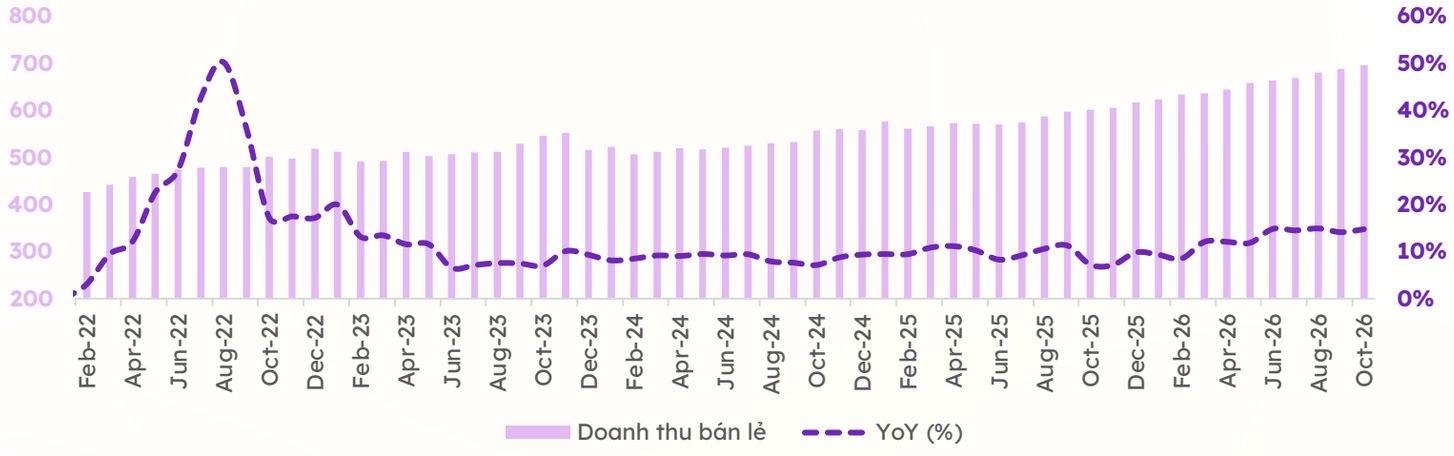
So với cùng kỳ

Khách quốc tế 10T 2026

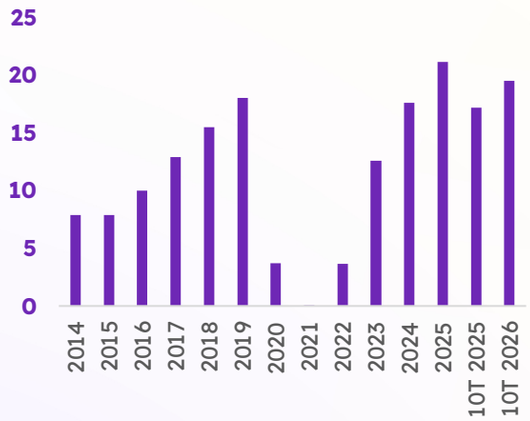
+13.8%

So với cùng kỳ

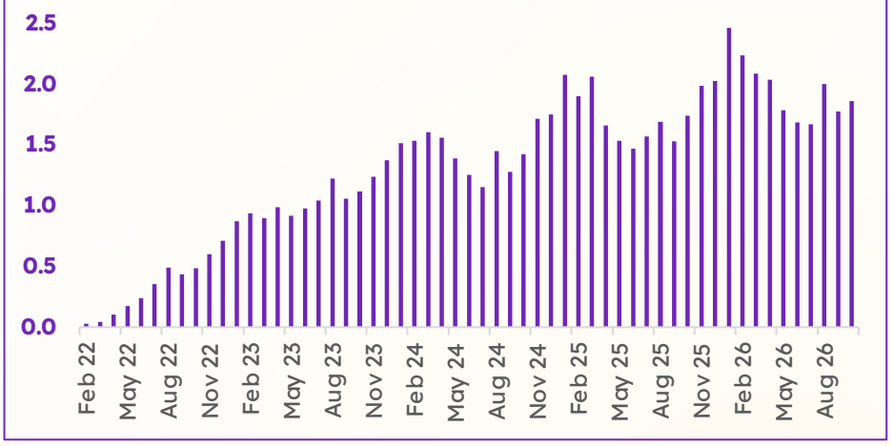
Doanh thu bán lẻ theo tháng



Khách quốc tế



Khách quốc tế



Nhận định chung

- **Tổng mức bán lẻ duy trì đà tăng hai chữ số:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 đạt 695.5 nghìn tỷ đồng, tăng 1.0% MoM và 14.7% YoY. Lũy kế 10T đạt 6,618.9 nghìn tỷ đồng (+13.5% YoY); loại trừ yếu tố giá tăng 7.7% (10T 2025: +7.4%).
- **Dịch vụ tiếp tục dẫn dắt:** Trong tháng 10, du lịch lữ hành tăng 7.4% MoM và 21.8% YoY, lưu trú – ăn uống tăng 19.5% YoY, cao hơn mức 13.7% của bán lẻ hàng hóa. Lũy kế 10T, bán lẻ hàng hóa đạt 4,981.2 nghìn tỷ đồng (chiếm 75.3%; +12.9% YoY), trong khi lưu trú – ăn uống tăng 17.0% và du lịch lữ hành tăng 18.1%.
- **Khách quốc tế giữ đà tăng:** Tháng 10 đón 1.85 triệu lượt khách quốc tế (+4.9% MoM; +7.0% YoY). Lũy kế 10T đạt 19.5 triệu lượt (+13.8% YoY), trong đó đường bộ tăng 27.1%, nhanh hơn đường hàng không (+11.5%).
- **Triển vọng:** Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng tiếp tục tăng tốc trong hai tháng cuối năm, được hỗ trợ bởi (1) mùa cao điểm du lịch quốc tế; (2) mùa mua sắm cuối năm; và (3) Nghị định 398/2026/NĐ-CP ngày 29/10/2026 giảm 30% thuế TNCN với cá nhân kinh doanh và 30% thuế TNDN với doanh nghiệp có doanh thu đến 10 tỷ đồng/năm.

Xuất nhập khẩu

XNK lần đầu vượt 1,000 tỷ USD

Xuất khẩu T10 2026

64.7 tỷ USD

+51.4% so với cùng kỳ

Nhập khẩu T10 2026

57.4 tỷ USD

+43.1% so với cùng kỳ

Thâm hụt TM 10T 2026

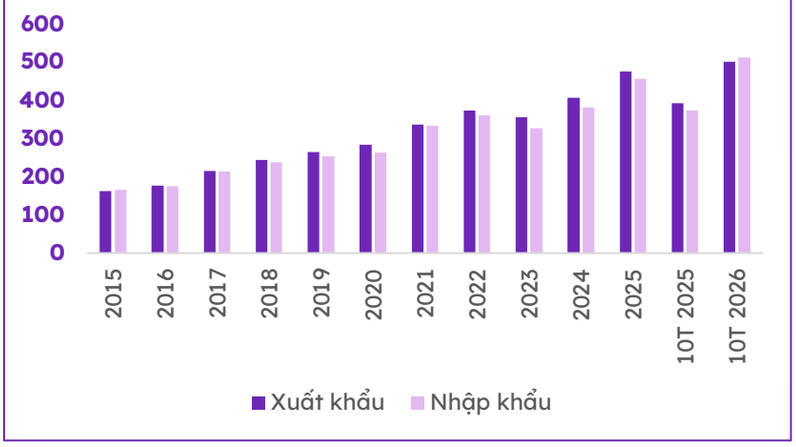
12.1 tỷ USD

T10 thặng dư 7.3 tỷ USD

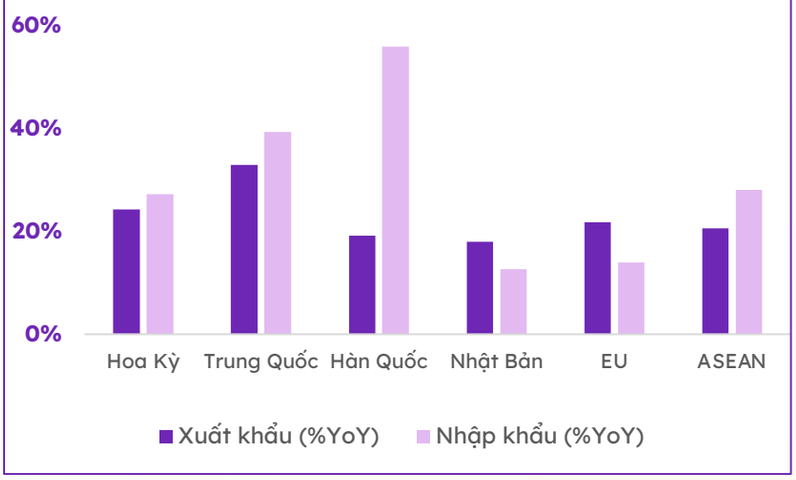
Xuất khẩu	10T 25	10T 26	% YoY
Máy vi tính, SP điện tử và linh kiện	87.4	149.4	71.0%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	48.5	63.3	30.4%
Điện thoại các loại và linh kiện	48.7	57.6	18.4%
Hàng dệt, may	33.0	33.7	2.2%
Giày dép các loại	19.9	20.2	1.8%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	14.5	16.9	17.1%

Nhập khẩu	10T 25	10T 26	% YoY
Máy vi tính, SP điện tử và linh kiện	123.4	215.3	74.4%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	49.6	60.1	21.1%
Vải các loại	12.5	12.9	2.8%
Kim loại thường khác	9.2	12.6	36.2%
Chất dẻo nguyên liệu	10.4	11.6	11.1%
Sản phẩm từ chất dẻo	8.8	10.2	15.5%

Kim ngạch xuất nhập khẩu



Các thị trường XNK chính 9T 2026



Nhận định chung

- **Xuất siêu tháng thứ hai liên tiếp, cao nhất từ đầu năm:** Tháng 10 thặng dư 7.31 tỷ USD (tháng 9: 1.30 tỷ USD) khi xuất khẩu tăng 8.7% MoM lên 64.67 tỷ USD (+51.4% YoY), trong khi nhập khẩu giảm 1.4% MoM còn 57.36 tỷ USD (+43.1% YoY). Lũy kế 10T, nhập siêu thu hẹp về 12.07 tỷ USD từ 19.38 tỷ USD của 9T (10T 2025: xuất siêu 19.49 tỷ USD).
- **Chúng tôi cho rằng nhập siêu lũy kế phản ánh chu kỳ đầu tư, thay vì xuất khẩu suy yếu:** Tổng kim ngạch 10T đạt 1,010.55 tỷ USD (+32.3% YoY), lần đầu vượt mốc 1,000 tỷ USD. Tư liệu sản xuất chiếm 94.1% kim ngạch nhập khẩu (481.03 tỷ USD), riêng máy móc thiết bị chiếm 58.5%, trong khi vật phẩm tiêu dùng chỉ đạt 30.28 tỷ USD (5.9%). Khu vực trong nước nhập siêu 37.83 tỷ USD, khu vực FDI xuất siêu 25.76 tỷ USD. Theo thị trường, xuất siêu sang Hoa Kỳ đạt 140.10 tỷ USD (+26.2% YoY), vượt mức nhập siêu 134.94 tỷ USD từ Trung Quốc (+43.2% YoY).
- **Triển vọng:** Chúng tôi kỳ vọng cán cân thương mại tiếp tục cải thiện trong hai tháng cuối năm khi mùa xuất khẩu bước vào cao điểm, qua đó thu hẹp mức nhập siêu lũy kế và hỗ trợ tỷ giá. Tuy nhiên, nhập siêu sâu của khu vực trong nước (-37.83 tỷ USD) và mức nhập siêu từ Hàn Quốc tăng 91.1% YoY là các biến số cần theo dõi.

IIP & PMI

IIP 10T cao nhất kể từ 2019

IIP tháng 10/2026

+15.0%

So với cùng kỳ

IIP luỹ kế 10T 2026

+12.4%

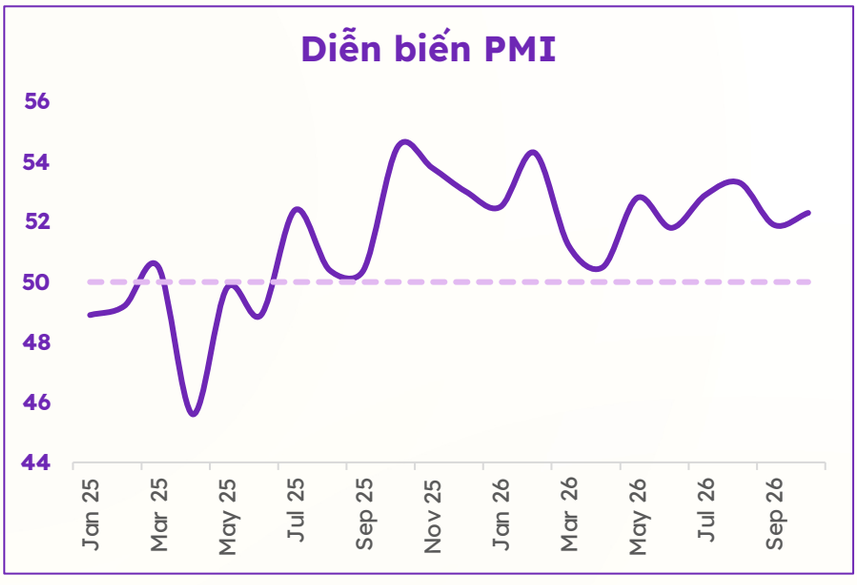
So với cùng kỳ

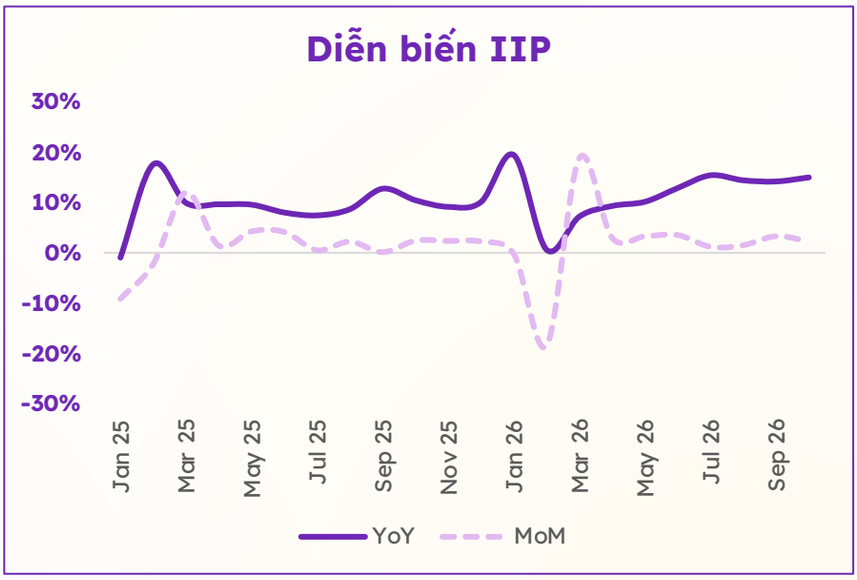
PMI tháng 10/2026

52.3

Tháng 9/2026: 51.9

Nhóm ngành	Luỹ kế 10T 25	Luỹ kế 10T 26
IIP chung	**9.2%**	**12.4%**
Sản xuất, chế biến thực phẩm	10.4%	12.9%
Sản xuất đồ uống	4.1%	17.5%
Dệt	8.0%	10.7%
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	10.3%	8.5%
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	9.4%	8.5%
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	17.3%	13.6%
Sản xuất kim loại	13.8%	25.6%
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính…	8.2%	15.2%
Sản xuất thiết bị điện	5.1%	5.9%
Sản xuất xe có động cơ	23.5%	14.6%
Sản xuất phương tiện vận tải khác	7.5%	12.8%
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	10.4%	12.5%





Nhận định chung

- **Sản xuất công nghiệp đạt mức tăng 10 tháng cao nhất giai đoạn 2019–2026:** IIP tháng 10 tăng 2.3% MoM và 15.0% YoY, đưa mức tăng 10T lên 12.4% (10T 2025: +9.2%).
- **Chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính:** Nhóm này tăng 13.0% trong 10T (10T 2025: +10.4%), đóng góp 10.2 trong tổng mức tăng 12.4 điểm %. Dẫn dắt là sản xuất kim loại (+25.6%), đồ uống (+17.5%) và điện tử, máy vi tính (+15.2%).
- **PMI tháng 10 tăng trở lại 52.3 điểm** (tháng 9: 51.9 điểm), duy trì trên ngưỡng 50 tháng thứ 16 liên tiếp. Lao động trong doanh nghiệp công nghiệp tại ngày 01/10 tăng 0.8% MoM và 3.2% YoY.
- **Triển vọng:** Chúng tôi kỳ vọng sản xuất duy trì đà tăng trong quý 4, được hỗ trợ bởi đơn hàng mùa cao điểm cuối năm và dòng vốn FDI giải ngân vào chế biến, chế tạo (19.96 tỷ USD trong 10T). Giá xăng giảm từ tháng 11 sẽ giảm bớt áp lực chi phí đầu vào.

Lạm phát

CPI neo trên 5%, đà tăng chậm lại

CPI tháng 10/2026

0.20%

So với tháng trước

CPI tháng 10/2026

+5.09%

So với cùng kỳ

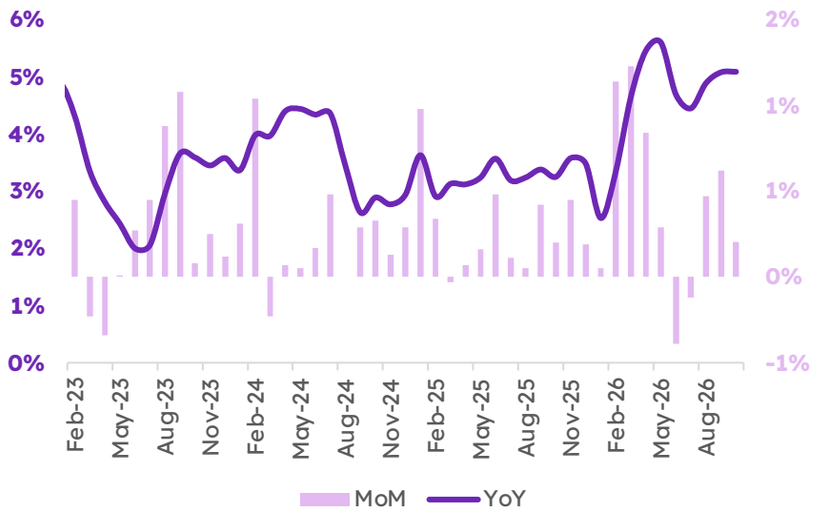
CPI bình quân 10T 2026

+4.57%

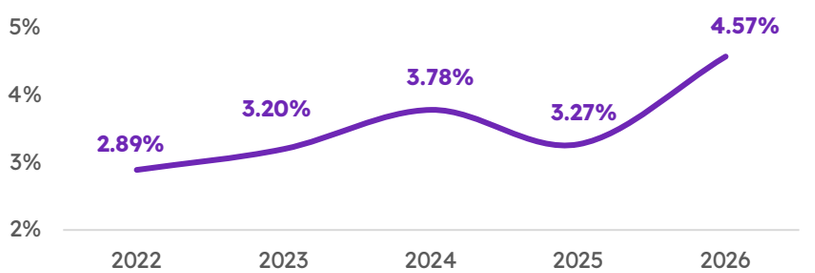
So với 10T 2025

Nhóm ngành	BQ 9T/26	BQ 10T/26
CPI chung	**4.52%**	**4.57%**
Lương thực, thực phẩm & DV ăn uống	4.72%	4.61%
Đồ uống & thuốc lá	3.74%	3.80%
Quần áo, giày dép & mũ	2.05%	2.04%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	6.68%	6.66%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	2.84%	2.88%
Thuốc & dịch vụ y tế	1.12%	1.19%
Giao thông	6.06%	6.98%
Viễn thông	0.12%	0.12%
Giáo dục	3.35%	3.29%
Văn hóa, thể thao & giải trí	2.78%	2.75%
Hàng hóa & dịch vụ khác	4.61%	4.72%

Diễn biến lạm phát



Tốc độ tăng/giảm CPI 10 tháng giai đoạn 2022 - 2026



Nhận định chung

- **CPI so cùng kỳ neo trên 5%, nhưng đà tăng theo tháng chậm lại:** CPI tháng 10 tăng 0.20% MoM (tháng 9: +0.62%) và 5.09% YoY, đưa bình quân 10T lên 4.57% (10T 2025: +3.27%). Lạm phát cơ bản giảm 0.05% MoM, còn 4.04% YoY; bình quân 10T ở mức 4.24%.

- **Giao thông vẫn là nguồn áp lực chính:** Nhóm này tăng 2.66% MoM (đóng góp 0.27 điểm %) do giá xăng tăng 6.86% và dầu diesel tăng 0.75%. Ở chiều ngược lại, hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.24% (-0.09 điểm %) khi giá thịt lợn giảm 2.33% và gạo giảm 0.92%; văn hóa – giải trí – du lịch giảm 0.87%, giá vé máy bay giảm 10.58% vào mùa thấp điểm.

- **Triển vọng**: Chúng tôi đánh giá áp lực lạm phát sẽ hạ nhiệt trong hai tháng cuối năm nhờ (1) thuế TTĐB với xăng về 0% từ 01/11/2026 đến hết 31/03/2027 theo Nghị quyết 45/2026/NQ-CP ngày 31/10/2026; và (2) chỉ đạo giảm giá bán lẻ điện từ 01/11/2026. Tuy nhiên, với bình quân 10T đã ở mức 4.57%, CPI cả năm nhiều khả năng vẫn nằm sát mục tiêu 4.5–5.0%, khiến dư địa nới lỏng tiền tệ còn hạn chế.

FDI

FDI đăng ký cao nhất kể từ 2009

FDI đăng ký T10/2026

4.49 tỷ

+50.7% So với cùng kỳ

FDI đăng ký 10T 2026

54.9 tỷ

+74.0% So với cùng kỳ

FDI giải ngân 10T 2026

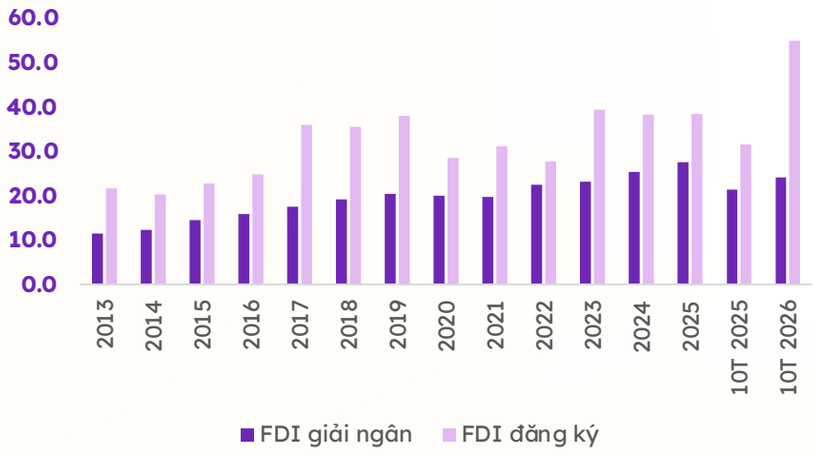
24.1 tỷ

+13.1% So với cùng kỳ

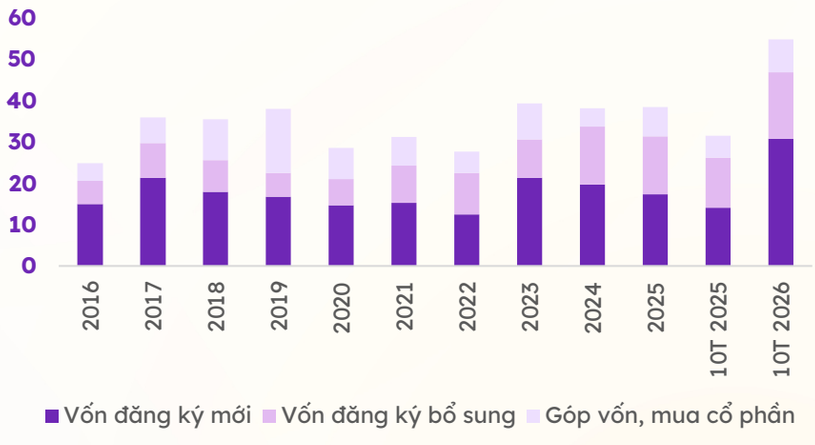
Theo ngành (9T 2026)	Tỷ USD	Tỷ trọng
CN chế biến, chế tạo	22.8	45.3%
Bất động sản	7.4	14.7%
Vận tải kho bãi	5.5	10.9%
Khoa học & công nghệ	4.1	8.2%
Tiện ích cơ bản (điện, nước & khí)	3.4	6.7%
Thông tin & truyền thông	3.3	6.5%

Theo đối tác (10T 2026)	Tỷ USD	Tỷ trọng
Singapore	9.5	31.0%
Hàn Quốc	5.8	18.9%
Luxembourg	5.0	16.2%
Hồng Kông	3.6	11.6%
Trung Quốc	2.8	9.0%

Vốn FDI giải ngân và đăng ký



Vốn FDI đăng ký theo hình thức



Nhận định chung

- **Vốn FDI đăng ký 10T đạt mức cao nhất kể từ năm 2009:** Đạt 54.85 tỷ USD tính đến ngày 31/10/2026 (+74.0% YoY), riêng tháng 10 đạt 4.49 tỷ USD (+50.7% YoY). Vốn thực hiện đạt 24.08 tỷ USD (+13.1% YoY) — cao nhất cùng kỳ 10 tháng trong 5 năm qua; riêng tháng 10 giải ngân 3.01 tỷ USD (+20.4% YoY).
- **Vốn cấp mới gấp 2.2 lần cùng kỳ, dẫn dắt bởi chế biến, chế tạo và logistics:** 3,478 dự án cấp mới với 30.73 tỷ USD, trong đó chế biến, chế tạo đạt 14.61 tỷ USD (47.5%) và vận tải kho bãi đạt 5.15 tỷ USD (16.7%). Vốn điều chỉnh tăng 33.2% lên 16.13 tỷ USD; góp vốn, mua cổ phần tăng 49.6% lên 7.99 tỷ USD. Về đối tác cấp mới, Xin-ga-po dẫn đầu (9.52 tỷ USD; chiếm 31.0%), tiếp đến là Hàn Quốc (5.81 tỷ USD; 18.9%) và Lúc-xăm-bua (4.99 tỷ USD; 16.2%). Chế biến, chế tạo chiếm 82.9% vốn thực hiện (19.96 tỷ USD).
- **Triển vọng:** Chúng tôi kỳ vọng FDI giải ngân duy trì vững chắc trong hai tháng cuối năm, khi tốc độ giải ngân tháng 10 đã cải thiện lên 20.4% YoY. Khoảng cách giữa vốn đăng ký (+74.0%) và vốn thực hiện (+13.1%) cho thấy dư địa giải ngân lớn trong giai đoạn 2027–2028 — nhóm hưởng lợi trực tiếp gồm khu công nghiệp, cảng biển và kho vận.

Ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách tiệm cận dự toán năm

Thu NSNN 10T 2026

+11.0% YoY

Đạt 96.4% kế hoạch năm

Chi NSNN 10T 2026

+14.8% YoY

Đạt 66.8% kế hoạch năm

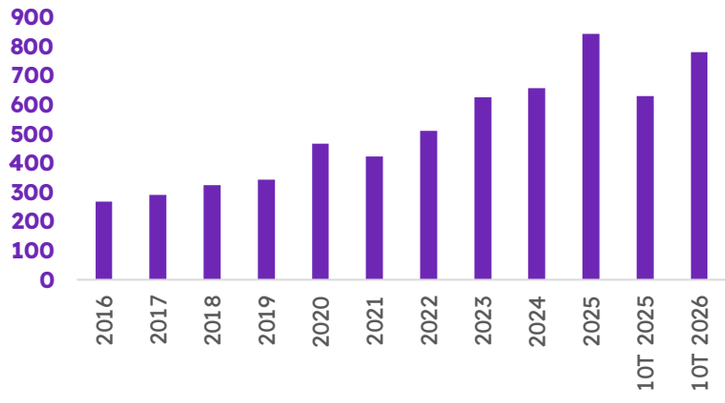
Giải ngân đầu tư công 10T

+19.8% YoY

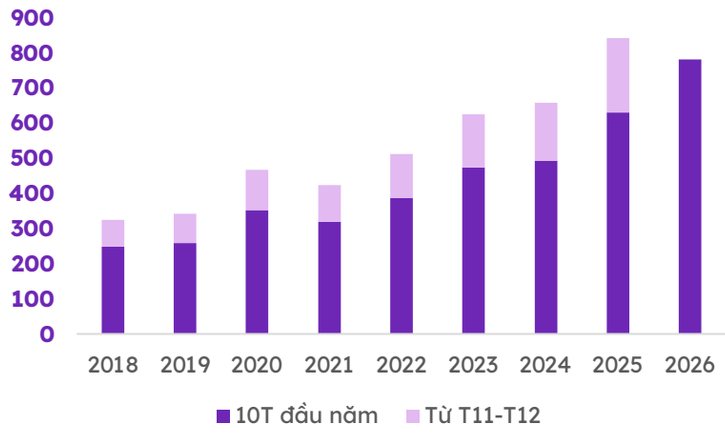
Đạt 69.0% kế hoạch năm

Đơn vị: nghìn tỷ đồng	10T-26	% KH	% YoY
Thu ngân sách	**2,438.9**	**96.4%**	**11.0%**
Thu nội địa	2,102.8	95.6%	11.4%
Thu từ dầu thô	56.3	131.0%	38.3%
Thu từ hoạt động XNK	275.8	99.2%	3.6%
Khác	4.0		
Chi ngân sách	**2,108.7**	**66.8%**	**14.8%**
Chi thường xuyên	1,280.0	70.8%	2.2%
Chi đầu tư phát triển	735.0	65.6%	49.7%
Chi trả nợ lãi	90.2	74.5%	4.5%
Khác	3.5		
Cán cân ngân sách	**330.2**		

Giải ngân đầu tư công (nghìn tỷ VNĐ)



Tiến độ giải ngân đầu tư công

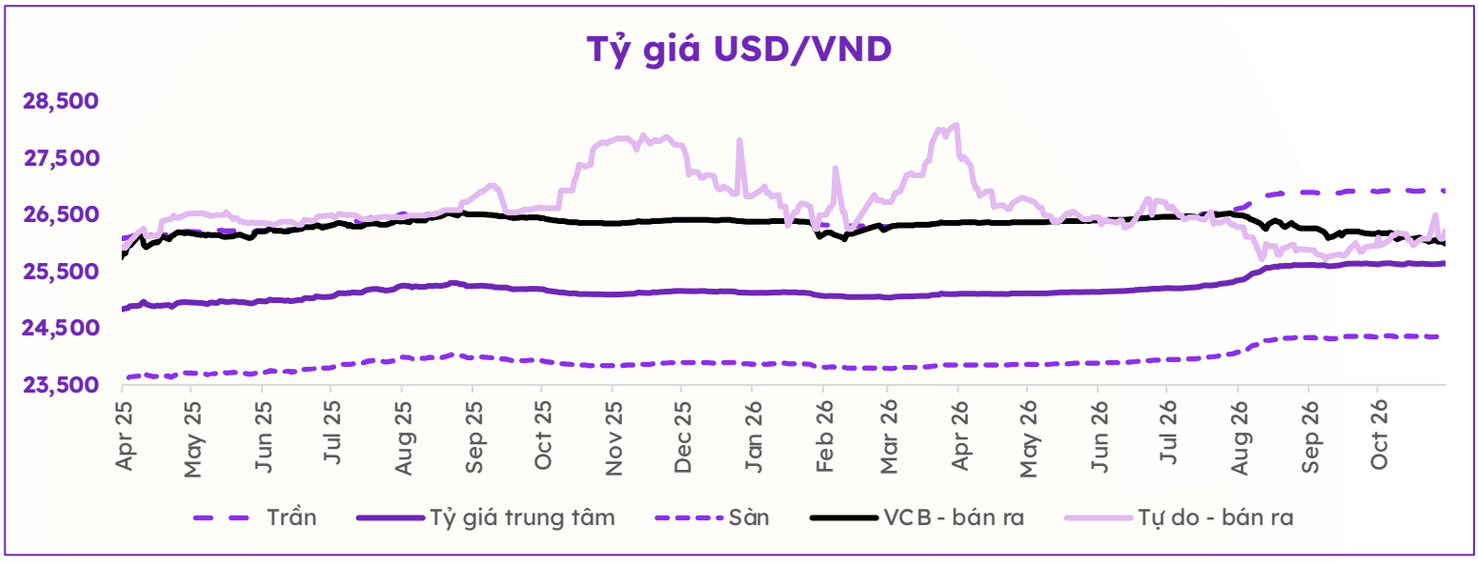


Nhận định chung

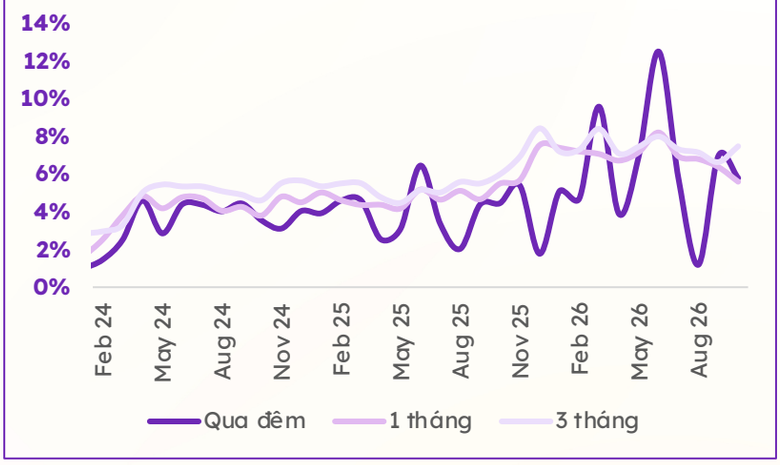
- **Thu ngân sách đạt 96.4% dự toán chỉ sau 10 tháng:** Tổng thu đạt 2,438.9 nghìn tỷ đồng (+11.0% YoY), riêng tháng 10 đạt 251.5 nghìn tỷ đồng; thu từ dầu thô đạt 131.0% dự toán. Tổng chi đạt 2,108.7 nghìn tỷ đồng (+14.8% YoY), bằng 66.8% dự toán, đưa ngân sách thặng dư khoảng 330.2 nghìn tỷ đồng.
- **Đầu tư công tiếp tục là trọng tâm chi:** Chi đầu tư phát triển tăng 49.7% YoY lên 735.0 nghìn tỷ đồng, chiếm 34.9% tổng chi, trong khi chi thường xuyên chỉ tăng 2.2%. Vốn thực hiện từ nguồn NSNN tháng 10 đạt 121.6 nghìn tỷ đồng (+23.7% YoY); lũy kế 10T đạt 783.9 nghìn tỷ đồng (+19.8% YoY), bằng 69.0% kế hoạch năm (10T 2025: 64.3%).
- **Triển vọng:** Theo ước tính của chúng tôi, khoảng 351 nghìn tỷ đồng vốn kế hoạch còn phải giải ngân trong hai tháng cuối năm, tương đương gần 176 nghìn tỷ đồng/tháng — cao hơn đáng kể mức 121.6 nghìn tỷ đồng của tháng 10. Khối địa phương (+22.6% YoY) tiếp tục dẫn dắt, trong khi vốn Trung ương chỉ tăng 5.6%; giải phóng mặt bằng và chi phí vật liệu xây dựng vẫn là các trở lực chính.

Tỷ giá – Lãi suất

Tỷ giá giảm tháng thứ ba liên tiếp



Lãi suất liên ngân hàng	T8 26	T9 26	T10 26
Qua đêm	1.19%	6.95%	5.79%
1 tuần	7.33%	6.88%	5.36%
1 tháng	6.79%	6.37%	5.59%
3 tháng	7.14%	6.63%	7.47%



Tỷ giá USD/VND

❖ **Tỷ giá giảm tháng thứ ba liên tiếp:** Đến ngày 30/10/2026, giá bán USD tại Vietcombank ở mức 25,990 VND/USD, giảm 0.65% MoM và 1.47% so với cuối năm 2025; tỷ giá liên ngân hàng giảm từ 25,968 xuống 25,802. Chỉ số giá đô la Mỹ trong nước tháng 10 giảm 0.26% MoM và 1.26% YoY.

❖ **VND tăng giá dù USD quốc tế mạnh lên:** Chỉ số USD bình quân tháng 10 tăng 2.39 điểm lên 101.88 điểm, song xuất siêu 7.31 tỷ USD và FDI giải ngân 3.01 tỷ USD đã bổ sung nguồn cung ngoại tệ.

Lãi suất liên ngân hàng

❖ **Thanh khoản ổn định hơn, NHNN hút ròng qua OMO:** Lãi suất qua đêm bình quân tháng 10 ở mức 3.63%/năm, trước khi tăng lên 5.79%/năm phiên 30/10. NHNN hút ròng khoảng 27.3 nghìn tỷ đồng, đưa giá trị OMO đang lưu hành giảm từ 156 xuống 123.2 nghìn tỷ đồng.

❖ **Tín dụng tăng 12.59% so với cuối năm 2025 (cuối tháng 9: 10.89%).** Theo Công văn 9736/NHNN-CSTT ngày 21/10/2026, các NHTM phải giảm tối thiểu 0.5 điểm % lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng; nhóm Big4 đã hạ lãi suất 12 tháng từ 5.9% xuống 5.4%.

Triển vọng: Chúng tôi cho rằng tỷ giá nhiều khả năng tiếp tục được kiểm soát trong ngắn hạn nhờ cán cân thương mại cải thiện và FDI ổn định, dù nhu cầu ngoại tệ cuối năm và kỳ vọng Fed thắt chặt vẫn là rủi ro. Chỉ đạo của NHNN sẽ hỗ trợ lãi suất huy động đi xuống, song chênh lệch tín dụng – huy động cần được theo dõi sát sao.

Tổng kết

Thương mại lần đầu vượt 1,000 tỷ USD, xuất siêu tháng thứ hai liên tiếp

FDI đăng ký 10T cao nhất từ 2009, lạm phát chậm lại

Nền tăng trưởng

IIP 10T tăng 12.4%, bán lẻ tăng 13.5%; GDP quý 3 tăng 9.95% YoY. Quý 4 cần tăng khoảng 12.5% để cả năm đạt hai chữ số.

Sản xuất & thương mại

PMI tăng lên 52.3 điểm; kim ngạch XNK 10T đạt kỷ lục 1,010.55 tỷ USD (+32.3% YoY), xuất siêu tháng 10 đạt 7.31 tỷ USD.

Dòng vốn FDI

Đăng ký 10T đạt 54.85 tỷ USD (+74.0% YoY), cao nhất từ 2009; giải ngân 24.08 tỷ USD.
Hưởng lợi: KCN, cảng biển, kho vận.

Đầu tư công

Đạt 69% kế hoạch năm (+19.8% YoY); còn ~351 nghìn tỷ dồn vào 2 tháng cuối năm.
Hưởng lợi: hạ tầng, vật liệu, thép.

Thị trường vốn

Tín dụng tăng 12.59% YTD; NHNN yêu cầu giảm lãi suất huy động tối thiểu 0.5 điểm %, Big4 hạ lãi suất 12 tháng về 5.4%.

Lạm phát & bán lẻ

CPI tháng 10 tăng 5.09% YoY nhưng chỉ 0.20% MoM; bình quân 10T 4.57%. Bán lẻ thực tăng 7.7% so với 13.5% danh nghĩa.

QUAN ĐIỂM NGÀNH

Ngành	Quan điểm	Động lực/Rủi ro chính
Chứng khoán	**Trung lập**	Lãi suất huy động giảm, cải thiện sức hút của kênh cổ phiếu
Ngân hàng	**Trung lập**	Chi phí vốn giảm, song lãi suất cho vay cũng chịu áp lực giảm
Đầu tư công / VLXD	**Tích cực**	Còn 351 nghìn tỷ đồng cần giải ngân trong 2 tháng cuối năm
KCN / Logistics	**Tích cực**	Vận tải kho bãi hút 5.15 tỷ USD FDI cấp mới, đứng thứ 2 toàn ngành
Tiêu dùng – Bán lẻ	**Tích cực**	Mùa mua sắm cuối năm và giảm thuế TNCN, TNDN hỗ trợ sức mua
Bất động sản	**Tiêu cực**	CPI trên 5% YoY khiến dư địa giảm lãi suất cho vay còn hạn chế

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

- **Lãi suất:** Tín dụng (+12.59% YTD) tăng nhanh hơn huy động có thể buộc ngân hàng cạnh tranh huy động trở lại, hạn chế hiệu quả giảm lãi suất.
- **Lạm phát:** CPI bình quân 10T đã ở mức 4.57%; nếu giá dầu thế giới tăng trở lại, CPI cả năm có thể vượt mục tiêu 4.5–5.0%.
- **Nhập siêu:** Khu vực trong nước nhập siêu 37.83 tỷ USD trong 10T; thặng dư thương mại vẫn phụ thuộc chủ yếu vào khu vực FDI.
- **Quốc tế:** USD mạnh lên (DXY bình quân tháng 10: 101.88 điểm) và kỳ vọng Fed thắt chặt có thể gây áp lực trở lại lên tỷ giá cuối năm.
- **Triển vọng:** Cơ hội hai tháng cuối năm phân hóa theo ngành; đầu tư công, KCN và tiêu dùng là các nhóm hưởng lợi rõ nhất từ số liệu tháng 10.

Thank you

Khối Phân tích

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (TCSC)

Khuyến cáo

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên. chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cố phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.